

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - HỆ CĐCN
ĐỢT THI THÁNG 11 NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 923 /QĐ-CĐKTKT-ĐT ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường CĐKTKT)

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM TỐT NGHIỆP			ĐIỂM TBC	X.LOẠI TN	GHI CHÚ
					LLCT	CSN	CN			
	LỚP K10CĐCN- TIẾNG ANH/SEVT									
1	DTUI141C51220201S043	Nguyễn Thị	Chi	17/08/1996	6.5	8.0	5.5	7.24	Khá	
2	DTUI141C51220201S040	Vũ Kim	Chi	19/10/1996	7.0	8.0	6.5	7.39	Khá	
3	DTUI141C51220201S041	Bùi Công	Cường	22/12/1995	5.5	8.0	7.0	7.87	Khá	
4	DTUI141C51220201S054	Nguyễn Thị	Dần	10/08/1992	5.5	7.0	7.5	7.03	Khá	
5	DTUI141C51220201S003	Chu Thị	Dung	02/04/1994	6.0	8.0	7.0	7.78	Khá	
6	DTUI141C51220201S052	Trịnh Thị	Dung	19/07/1991	7.0	8.0	7.5	7.75	Khá	
7	DTUI141C51220201S029	Hoàng Thị Hồng	Gấm	28/05/1994	6.5	7.0	7.5	7.31	Khá	
8	DTUI141C51220201S004	Mai Thị	Hà	05/06/1996	7.0	7.0	7.5	7.67	Khá	
9	DTUI141C51220201S027	Nguyễn Thị	Hà	05/01/1993	7.0	7.5	7.0	7.67	Khá	
10	DTUI141C51220201S050	Phạm Thị	Hằng	20/08/1996	5.5	7.5	6.5	7.07	Khá	
11	DTUI141C51220201S005	Lo Thị	Hoa	23/05/1996	6.5	8.0	7.5	8.20	Giỏi	
12	DTUI141C51220201S012	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa		13/03/1996	7.5	7.0	7.5	7.77	Khá	
13	DTUI141C51220201S014	Hoàng Thị	Hồng	06/01/1996	6.0	7.0	6.0	6.92	TB Khá	
14	DTUI141C51220201S026	Lê Thị	Huệ	15/02/1996	7.0	7.0	7.5	7.77	Khá	
15	DTUI141C51220201S019	Trương Thị	Hương	20/03/1990	9.0	7.0	9.0	8.18	Giỏi	
16	DTUI141C51220201S044	Lục Bích	Hường	17/05/1996	5.0	6.5	6.5	6.61	TB Khá	
17	DTUI141C51220201S042	Trịnh Thị Thanh	Hường	10/10/1995	8.0	7.0	7.5	7.42	Khá	
18	DTUI141C51220201S021	Phạm Thị	Khánh	31/08/1995	6.0	7.5	7.5	7.79	Khá	
19	DTUI141C51220201S039	Nguyễn Thị	Lợi	10/10/1996	7.5	7.0	7.0	7.32	Khá	
20	DTUI141C51220201S025	Luân Thị	Mỹ	25/04/1992	9.0	8.0	8.5	7.78	Khá	
21	DTUI141C51220201S007	Đỗ Thị	My	20/08/1993	5.5	7.5	6.0	7.02	Khá	
22	DTUI141C51220201S018	Nguyễn Thị	Ngân	28/03/1995	7.5	7.5	6.0	7.06	Khá	
23	DTUI141C51220201S001	Hoàng Thị Hồng	Thế	16/03/1996	5.0	8.0	6.5	7.35	Khá	
24	DTUI141C51220201S033	Vi Thị	Thu	04/08/1994	6.5	8.0	7.0	7.49	Khá	
25	DTUI141C51220201S024	Chu Thị	Thủy	20/06/1993	7.5	8.0	8.0	7.80	Khá	
26	DTUI141C51220201S017	Nguyễn Thu	Thủy	09/07/1991	7.5	8.0	7.5	8.04	Giỏi	
27	DTUI141C51220201S031	Hoàng Văn	Trọng	21/04/1995	7.0	8.0	7.0	7.57	Khá	

28	DTU141C51220201S049	Nguyễn Văn	Tuân	11/10/1993	6.5	9.0	6.5	7.42	Khá	
29	DTU141C51220201S011	Nguyễn Thị	Yên	20/08/1995	5.5	8.0	6.0	7.44	Khá	
30	DTU141C51220201S016	Lê Thị	Yến	30/04/1996	6.5	7.5	6.5	7.2	Khá	
K10CDCN-TIẾNG HÀN/SEVT										
31	DTU141C51220210S057	Trần Thị Lan	Anh	21/06/1996	7.0	5.5	9.0	7.36	Khá	
32	DTU141C51220210S126	Ngô Thị	Bắc	20/10/1995	7.0	5.5	8.0	7.12	Khá	
33	DTU141C51220210S107	Trần Văn	Bắc	12/07/1996	7.0	5.0	9.0	7.20	Khá	
34	DTU141C51220210S030	Bê Thị Thanh	Cầm	14/09/1996	6.0	5.0	8.0	6.79	TB Khá	
35	DTU141C51220210S082	Nguyễn Thị	Dịu	05/02/1996	8.0	6.0	9.0	7.55	Khá	
36	DTU141C51220210S058	Nguyễn Thị	Dung	24/07/1995	8.0	5.0	8.0	6.92	TB Khá	
37	DTU141C51220210S123	Nông Thị	Dung	15/12/1990	7.0	5.0	8.0	7.16	Khá	
38	DTU141C51220210S004	Bùi Thành	Đạt	29/11/1995	7.0	5.5	9.0	7.21	Khá	
39	DTU141C51220210S023	Trương Thị	Điều	16/03/1996	7.0	6.0	8.0	7.66	Khá	
40	DTU141C51220210S116	Phạm Văn	Đồng	20/05/1996	7.0	5.0	8.0	7.00	Khá	
41	DTU141C51220210S031	Bùi Thị	Hiên	19/09/1995	8.0	6.0	8.0	6.76	TB Khá	
42	DTU141C51220210S051	Điêu Thị	Hiên	24/08/1995	8.0	7.0	8.0	7.17	Khá	
43	DTU141C51220210S119	Vũ Thị	Hiên	29/05/1993	7.0	7.0	8.0	6.73	TB Khá	
44	DTU141C51220210S115	Trương Công	Hiếu	05/01/1996	7.0	6.0	8.0	7.25	Khá	
45	DTU141C51220210S087	Nguyễn Thị	Hoa	10/04/1996	7.5	6.0	8.0	6.54	TB Khá	
46	DTU141C51220210S075	Nguyễn Minh	Hoàng	27/08/1992	7.0	7.0	8.0	6.54	TB Khá	
47	DTU141C51220210S129	Lương Thị	Hồng	21/10/1996	7.0	7.0	8.0	7.50	Khá	
48	DTU141C51220210S003	Bùi Thị	Huyền	02/06/1996	7.0	7.5	9.0	7.81	Khá	
49	DTU141C51220210S096	Mai Thị Thanh	Hương	29/04/1995	6.0	8.0	8.0	7.70	Khá	
50	DTU141C51220210S033	Đào Văn	Khoa	02/06/1995	6.5	7.0	8.0	7.22	Khá	
51	DTU141C51220210S024	Nguyễn Tuyết	Mai	10/02/1994	7.5	6.0	8.0	6.83	TB Khá	
52	DTU141C51220210S008	Phạm Thúy	Nga	20/10/1996	7.5	7.0	9.0	7.36	Khá	
53	DTU141C51220210S022	Trần Thị	Ngọc	04/08/1990	6.5	6.0	8.0	7.47	Khá	
54	DTU141C51220210S147	Trương Thị	Ngọc	19/03/1989	6.5	7.0	8.0	7.26	Khá	
55	DTU141C51220210S118	Sầm Thị	Oanh	01/03/1995	7.5	8.0	9.0	8.17	Giỏi	
56	DTU141C51220210S035	Trần Thị	Phương	24/01/1996	7.0	7.0	8.0	6.71	TB Khá	
57	DTU141C51220210S045	Nguyễn Thị	Quyên	13/09/1995	8.0	7.0	8.0	6.81	TB Khá	
58	DTU141C51220210S065	Phùng Thị	Quyên	21/02/1996	6.0	6.0	8.0	6.87	TB Khá	
59	DTU141C51220210S055	Cung Văn	Thanh	15/06/1994	7.0	6.0	8.0	6.88	TB Khá	
60	DTU141C51220210S042	Trần Thị	Thảo	30/06/1995	8.0	7.0	8.0	7.47	Khá	
61	DTU141C51220210S101	Nguyễn Đình	Thật	13/08/1995	7.0	6.0	8.0	6.84	TB Khá	

62	DTU141C51220210S005	Trần Thị	Thúy	27/11/1995	8.0	6.0	8.0	7.37	Khá	
63	DTU141C51220210S019	Lâm Thị Hồng	Tươi	10/04/1996	8.0	7.0	8.0	7.21	Khá	
64	DTU141C51220210S068	Ma Thị	Viện	05/02/1996	7.0	7.0	8.0	6.91	TB Khá	
65	DTU141C51220210S029	Nguyễn Thị	Yến	11/07/1995	7.0	6.0	8.0	6.62	TB Khá	
66	DTU141C51220210S052	Nguyễn Thị	Yến	10/07/1996	8.0	6.0	8.0	7.25	Khá	

Ấn định danh sách: 66 Sinh viên

Thư ký tổng hợp



Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Ngày 22 tháng 11 năm 2017

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS. Nguyễn Văn Bình

**DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - HỆ CĐCN
ĐỢT THI THÁNG 11 NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 923 /QĐ-CDKTKT-ĐT ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường CDKTKT)

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP			ĐIỂM TBC	GHI CHÚ
				LLCT	CSN	CN		
K10CĐCN -TIẾNG HÀN/SEVT								
1	DTU141C51220210S002	Hoàng Thị Hiền Anh	25/10/1987	7.0	5.0	9.0	6.8	Nợ GDQP, Nợ Môn Biên dịch tiếng hàn 1
2	DTU141C51220210S084	Bùi Thị Chiêu	05/11/1995	8.0	6.0	8.0	6.66	Nợ GDQP
3	DTU141C51220210S117	Bùi Công Duẩn	04/09/1995	5.0	5.0	6.0	6.03	Nợ GDQP, Nợ Môn THPT 4- 3, LT biên phiên dịch
4	DTU141C51220210S136	Mã Thị Đới	18/03/1992	5.0	5.0	8.0	6.56	Nợ GDQP
5	DTU141C51220210S014	Ngọc Thị Hiền	25/07/1995	7.0	5.0	8.0	7.15	Nợ GDQP
6	DTU141C51220210S140	Nguyễn Thị Hoa	15/04/1996	7.5	5.0	7.0	6.45	Nợ GDQP
7	DTU141C51220210S077	Phạm Duy Lợi	04/06/1995	5.5	6.0	8.0	6.73	Nợ GDQP
8	DTU141C51220210S066	Đậu Thị Thu Thảo	06/02/1995	7.0	6.0	8.0	6.94	Nợ GDQP
9	DTU141C51220210S016	Nguyễn Thị Thắm	26/06/1995	7.0	6.0	8.0	6.95	Nợ GDQP
10	DTU141C51220210S044	Phan Thị Yến	04/12/1994	5.0	5.0	8.0	6.76	Nợ Môn Tiếng hàn TH 2-3

Ấn định danh sách: 10 Sinh viên

Thư ký tổng hợp

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Ngày 22 tháng 11 năm 2017

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS. Nguyễn Văn Bình

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - HỆ CĐCN
LỚP K10CĐCN-TIẾNG HÀN/SEVT ĐỢT THI THÁNG 11 NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 523 /QĐ-CĐKTKT-ĐT ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường CĐKTKT)

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM TỐT NGHIỆP			ĐIỂM TBC	GHI CHÚ
				LLCT	CSN	CN		
1	DTU141C51220210S038	Trần Thị Kim	03/02/1995	0.0	0.0	0.0	6.56	Nợ HP, Bỏ thi TN
2	DTU141C340301S013	Trần Thị Phương Trâm	19/01/1995	0.0	0.0	0.0	7.43	Bỏ thi TN, Thiếu IC3, Nợ GDQP Bỏ thi Thiếu A2,

Ấn định danh sách: 02 Sinh viên

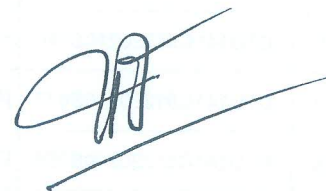
Thư ký tổng hợp



Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Ngày 22 tháng 11 năm 2017

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS. Nguyễn Văn Bình